

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thi lần 1

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	QUẢN TRỊ KHO BÃI		
Mã học phần:	71SCMN40073	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN40073_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
Thí sinh chỉ được tham khảo <u>tài liệu giấy</u>	☒ Có	☐ Không	

Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Trình bày được những kiến thức căn bản về quản trị kho bãi. Mô tả đầy đủ các chức năng của kho bãi và những vấn đề trong quản lý kho. Trình	Trắc nghiệm	40%	1,2,3,4,5, 7,12,14,15,16, 18,20,21,22,24, 28	4	PI 3.1

	bày được các công nghệ liên quan đến lưu trữ và chọn hàng, cách thức sử dụng phần mềm quản lý kho.					
CLO 2	Phân tích, so sánh, lựa chọn được vị trí đặt kho/bãi một cách hợp lý. Trình bày và so sánh được các phương án lưu trữ, sắp xếp hàng, xuất nhập hàng hóa tinh gọn, hiệu quả. Trình bày và giải thích được việc tổ chức hoạt động quản lý chất lượng hàng hóa trong kho/bãi.	Trắc nghiệm	17,5%	6,8,10,17,19, 23,27	1,75	PI 4.3
CLO 3	Vận dụng kiến thức để quản lý kho và lập kế hoạch quản lý kho hiệu quả	Trắc nghiệm	12,5	9,11,13,25,26	1,25	PI 7.1
		Tự luận	30%		3	

III. Nội dung câu hỏi thi

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 7 điểm (gồm 28 câu. 0,25 điểm/câu)

- Trung tâm chuyên tải hàng hoặc trung chuyển hàng loại sẽ_____.
A. Nhận hàng với số lượng lớn từ nhà cung cấp, sau đó chia nhỏ hàng đến các địa điểm khác nhau
B. Nhận hàng từ các nhà cung cấp khác nhau, kết hợp chúng để giao trực tiếp cho khách hàng
C. Lưu các thành phẩm chờ tiêu thụ
D. Tập kết các loại hàng trong đơn hàng và giao hàng cho khách trong ngày
ANSWER: A
- Sản phẩm dở dang có thể lưu trữ trong hình thức kho nào dưới đây?
A. Kho trung gian
B. Kho thành phẩm
C. Trung tâm thực hiện
D. Kho nguyên liệu
ANSWER: A
- Phát biểu nào sau đây là ĐÚNG về “trung tâm thực hiện” ?
A. Trung tâm thực hiện được thiết kế để xử lý khối lượng lớn các đơn đặt hàng nhỏ và có thể xử lý hàng bị trả lại
B. Trung tâm thực hiện được thiết kế để phục vụ công tác hậu cần ngược
C. Trung tâm thực hiện được thiết kế để chỉ thực hiện nhận và giao hàng hóa đúng theo số lượng và thời điểm yêu cầu
D. Trung tâm thực hiện được thiết kế để xử lý khối lượng nhỏ các đơn đặt hàng lớn.
ANSWER: A

4. Việc lựa chọn nhà kho sẽ **KHÔNG** đặt nặng vào tiêu chí nào trong các tiêu chí sau đây:

- A. Khả năng quảng bá sản phẩm
- B. Giá đất, giá thuê
- C. Lưu lượng hàng hóa
- D. Sự kết nối hạ tầng giao thông

ANSWER: A

5. Kỹ năng nào **KHÔNG PHẢI** là yêu cầu của một quản lý kho?

- A. Kỹ năng quảng bá
- B. Kỹ năng đàm phán
- C. Kỹ năng công nghệ thông tin
- D. Kỹ năng quản lý con người

ANSWER: A

6. Tỷ lệ giám sát trên nhân viên tối ưu là ____

- A. 1 giám sát viên trên 12-15 nhân viên
- B. 1 giám sát viên trên 8 nhân viên
- C. 1 giám sát viên trên 20 nhân viên
- D. 1 giám sát viên trên 25 nhân viên

ANSWER: A

7. Một trong những áp lực lớn đối với quản lý kho là ____

- A. Giao hàng qua nhiều kênh
- B. Mở rộng hệ thống kho
- C. Tăng nhân sự
- D. Tăng chi phí vận hành

ANSWER: A

8. Chọn hàng thủ công so với tự động thường ____

- A. Có độ chính xác thấp hơn
- B. Tăng khả năng giảm chi phí
- C. Tăng năng suất
- D. Dễ dàng tích hợp hệ thống

ANSWER: A

9. Trước khi kiểm đếm hàng trong kho thì **KHÔNG** cần thiết phải có hoạt động nào trong các hoạt động sau:

- A. Tiến hành đặt hàng để đảm bảo các mặt hàng đều có trong kho
- B. Xác định người thực hiện, công việc thực hiện, dụng cụ hỗ trợ, thời gian thực hiện
- C. Cát tất cả các mặt hàng vào đúng vị trí của chúng
- D. Xử lý các hàng lỗi

ANSWER: A

10. Các nội dung nào dưới đây **KHÔNG** thuộc các chú ý khi trước khi đưa hàng lên xe chuyển đi?

- A. Kiểm tra hàng tồn trong kho
- B. Dành không gian tại các khoang chất hàng để dễ phân loại và kiểm tra
- C. Kiểm tra giấy tờ của người lái xe để đảm bảo hàng được chở đúng tải trọng và đến đúng nơi cần đến
- D. Kiểm tra loại xe và vệ sinh xe để đảm bảo chất lượng hàng không bị ảnh hưởng khi chuyên chở

ANSWER: A

11. Khi nhập hàng, kiểm tra chi tiết kiện hàng nên là bắt buộc đối với ____

- A. Nhà cung cấp mới
- B. Nhà cung cấp có lịch sử giao nhận tốt
- C. Nhà cung cấp có cam kết GFR
- D. Mọi nhà cung cấp

ANSWER: A

12. Những nội dung nào sau đây thường KHÔNG thuộc phạm vi thảo luận giữa kho và các bên liên quan?

- A. Giá bán
- B. Kích thước và loại thùng carton đóng hàng
- C. Tần suất giao hàng
- D. Nhãn và vị trí của nhãn trên thùng carton và pallet

ANSWER: A

13. Những vấn đề nào sau đây KHÔNG thuộc vấn đề quan tâm của quản lý kho trước khi nhận hàng?

- A. Tất cả các vấn đề được nêu đều cần được quan tâm
- B. Đảm bảo nhà cung cấp giao hàng vào kho theo thời gian phù hợp
- C. Xác định thời gian và qui cách đóng gói phù hợp
- D. Nhận thức hàng được giao cùng phương tiện thiết bị cần thiết để dỡ hàng

ANSWER: A

14. Người điều hành hợp nhất các nhu cầu của đơn hàng thành một danh sách chọn. Sau khi chọn xong thì sẽ phải phân chia sản phẩm theo nhu cầu của từng đơn hàng là hình thức ____

- A. Chọn hàng theo loạt
- B. Chọn hàng theo cụm
- C. Chọn hàng theo đợt
- D. Không có hình thức nào ở trên

ANSWER: A

15. Hình thức mà người chọn hàng phải có danh sách hàng chọn với đầy đủ chi tiết như số đơn đặt hàng, mã sản phẩm và số lượng chọn trước khi đi chọn là ____

- A. Chọn hàng theo danh sách giấy
- B. Chọn qua công nghệ phát sáng
- C. Chọn quan nhận dạng tần số vô tuyến
- D. Chọn hàng bằng giọng nói

ANSWER: A

16. Hình thức chọn hàng nào sau đây cho phép người chọn hàng có thể dùng 2 tay tập chung cho việc chọn hàng

- A. Chọn hàng theo giọng nói
- B. Chọn hàng theo nhãn
- C. Chọn hàng theo giấy
- D. Chọn hàng theo quét mã vạch

ANSWER: A

17. Trong các hình thức chọn hàng sau, hình thức chọn hàng nào KHÔNG phản ánh số liệu theo thời gian thực?

- A. chọn hàng theo nhãn
- B. chọn hàng qua tần số vô tuyến
- C. chọn hàng theo quét mã vạch
- D. chọn hàng theo giọng nói

ANSWER: A

18. Tại một số nhà kho, thời gian dành cho việc di chuyển để lấy hàng thường chiếm đến _____ thời gian của người chọn hàng.

- A. 50%
- B. 10%
- C. 90%
- D. 20%

ANSWER: A

19. Những nhận xét nào dưới đây KHÔNG đúng với đặc thù của lưu trữ xếp chồng khối

- A. Hàng luôn được lấy theo nguyên tắc FIFO
- B. Sử dụng không gian khối kém
- C. Rẻ
- D. Phải có không gian để xe nâng tiếp cận từng ngăn xếp

ANSWER: A

20. Những phát biểu nào sau đây thì KHÔNG đúng ?

- A. Kệ lưu trữ dòng chảy động lực cho phép cất hàng từ hai mặt của kệ dễ dàng
- B. Giá đỡ hàng tĩnh có sức chứa kém hơn kệ dòng chảy động lực do bị cố định vị trí các khay chứa
- C. Các giá đỡ tĩnh (static shelving) cho phép lưu trữ các thùng hoặc gói với bao bì ban đầu của sản phẩm
- D. Khi trữ các thùng hàng tại kệ lưu trữ dòng chảy động lực, thùng hàng luôn được dòn ra phía trước kệ do hệ thống con lăn, trọng lực và độ dốc của kệ

ANSWER: A

21. Những điểm nào sau đây KHÔNG phải là nhược điểm của băng tải (Conveyors)?

- A. Không thể đưa hàng lên vị trí cao
- B. Phải bảo trì thường xuyên
- C. Gây cản trở cho quá trình di chuyển của các phương tiện
- D. Chi phí cao

ANSWER: A

22. Yếu tố nào giúp phân biệt kệ để hàng đồng nhất với các kệ thông thường

- A. Các dầm dọc đỡ pallet được thay bằng thanh ray hình chữ L để pallet
- B. Kệ phải được kê sát với nhau
- C. Kệ dễ dàng điều chỉnh
- D. Kệ có các con lăn để tiện việc di chuyển

ANSWER: A

23. Quyết định thực hiện hậu cần ngược KHÔNG phụ thuộc nhiều vào yếu tố nào trong các yếu tố sau?

- A. Năng lực tài chính
- B. Mức lợi nhuận
- C. Không gian có sẵn
- D. Chuyên môn sẵn có

ANSWER: A

24. Các dịch vụ tạo ra giá trị tăng trong kho KHÔNG bao gồm điều nào trong các điều dưới đây:

- A. Cất hàng
- B. Đóng gói
- C. Đính kèm sản phẩm khuyến mãi
- D. Dán nhãn

ANSWER: A

25. Sản lượng hàng H hàng năm là 155.500 đơn vị với lưu kho trung bình là 6.220 đơn vị. Như vậy, lượt nhập kho hàng H trong năm là ____

- A. 25
- B. 30
- C. 35
- D. 40

ANSWER: A

26. Ý nào dưới đây KHÔNG thích hợp khi công ty vừa mua hệ thống quản lý kho mới?

- A. Yêu cầu nhân viên không làm việc song song trên hệ thống cũ và mới.
- B. Yêu cầu nhân viên thảo luận, xác định thời điểm thích hợp để triển khai hệ thống mới
- C. Xây dựng chương trình đào tạo cho nhân viên
- D. Không sửa đổi hệ thống khi hệ thống chưa được triển khai toàn diện

ANSWER: A

27. Để chọn WMS phù hợp cho CTY, người quản lý kho KHÔNG cần phải đảm bảo yêu cầu nào trong các yêu cầu sau?

- A. Nắm chắc qui trình sản xuất
- B. Hiểu nhu cầu đầy đủ của CTY, các yêu cầu kinh doanh chính trong hiện tại và trong tương lai
- C. Hiểu chiến lược CTY, đảm bảo rằng các nhu cầu cụ thể được đáp ứng bằng giải pháp phù hợp nhất với mục tiêu kinh doanh
- D. Tính toán lợi tức đầu tư (ROI) khi theo đuổi WMS

ANSWER: A

28. Thành phần chính trong chi phí WMS KHÔNG bao gồm:

- A. Chi phí vận chuyển
- B. Chi phí phát triển
- C. Chi phí hỗ trợ.
- D. Giấy phép phần mềm.

ANSWER: A

II. PHẦN TỰ LUẬN: 3 điểm (gồm 2 câu)

Câu 1 (0.8 điểm):

Kho của CTY Vinh Phát dự định đầu tư vào hệ thống WMS với giá 31.000 USD

Qua trính toán, CTY nhận thấy WMS mới hằng năm sẽ giúp tiết kiệm năng suất 28.000USD và tăng độ chính xác 7.000 USD.

Anh chị hãy tính thời gian hoàn vốn của hệ thống kho mới.

Câu 2 (2,2 điểm)

Kho của CTY Quốc An có sức chứa 80.000 pallet; Chi phí không gian của 1 pallet trong 1 năm là 75 USD; chi phí lao động mỗi giờ là 5 USD . Tổng số giờ lao động trực tiếp trong kho hàng năm là 150.000 giờ. Hằng năm, công ty phải chi 220.000 USD cho trang thiết bị.

- a) Anh chị hãy tính chi phí trực tiếp của kho. (1 điểm)
- b) Anh chị hãy tính chi phí quản lý chung của kho biết chi phí này bằng 15% chi phí trực tiếp (0,4 điểm)
- c) Anh chị hãy tính tổng chi phí năm của kho (Gồm chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung) (0,8 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM- TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7,0 điểm	
Câu 1 – 28	A	0, 25đ x28 câu	
II. Tự luận		3 điểm	
Câu 1	<u>Thời gian hoàn vốn của hệ thống kho mới</u> $31.000: 35.000 \times 12 = 10,63$ tháng	0,8 đ	
Câu 2	<u>a. Chi phí trực tiếp của kho.</u> $80.000 \times 75 + (5 \times 150.000) + 220.000 = 6.970.000$ USD	1đ	
	<u>b. Chi phí quản lý chung</u> $6.970.000 \text{ USD} \times 15\% = 1.045.500 \text{ USD}$	0,4đ	
	<u>c. Tổng chi phí năm của kho</u> $6.970.000 \text{ USD} + 1.045.500 \text{ USD} = 8.015.500 \text{ USD}$	0,8đ	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



TS. Đỗ Thành Lưu

TS. Nguyễn Lan Hương